TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày 30-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trung Thảo

Ông Nguyễn Hữu Phúc

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

- Bị cáo Trần Chí T, sinh năm 1983; tên gọi khác: N; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1946 và bà Tạ Thị P, sinh năm 1953; có vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (Đã ly hôn và không rõ nơi cư trú của D ở đâu) và có 01 người con sinh năm 2006; tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, xử phạt 04 năm tù giam, thời gian thi hành án kể từ ngày 14/8/2012 về tội: " Trộm cắp tài sản" theo Quyết định thi hành án số 34/2013/QĐ-CA ngày 27/02/2013 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 17/01/2014, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An, xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam, về tội: "Trộm cắp tài sản", tổng hình phạt của 2 bản án là 06 năm 06 tháng tù (chấp hành xong ngày 28/9/2018); tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/8/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 18 tháng, hành vi "Gây rối trật tự công cộng"; Ngày 23/11/2006, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09

tháng tù, về tội: "Trộm cắp tài sản"; Ngày 29/02/2008, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 18 tháng tù giam, về tội: "Trộm cắp tài sản"; Ngày 22/4/2010, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội: "Trộm cắp tài sản"; tạm giữ: Ngày 18/11/2020; tạm giam: Ngày 24/11/2020.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Phan Tuấn Đ, sinh ngày 20/9/2000 (*có đơn xin vắng mặt*)
2. Phan Văn T, sinh năm 1974 (*có đơn xin vắng mặt*)
3. Mai Thúc L, sinh năm 1996 (*có đơn xin vắng mặt*)
4. Nguyễn S, sinh năm 1977 (*có đơn xin vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

5. Trần Đức T, sinh năm 1994 (*có đơn xin vắng mặt*)
Địa chỉ: thôn K, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tỉnh.

6. A T, sinh năm 1994 (*có đơn xin vắng mặt*)
Địa chỉ: Hơ M, S, Kon Tum.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị G, sinh năm 1988 (*có mặt*)
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Mai Hiếu T, sinh năm 1964 (*có đơn xin vắng mặt*)
Địa chỉ: ấp Tân Phú, xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Mai Phước Được, sinh năm 1992 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Địa **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 18/11/2020, Trần Chí Tđiều khiển xe môtô biển số kiểm soát 66V1 - 094.61, hướng đi từ xã T, huyện T đến xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Khi đi ngang nhà kho công nhân thuộc ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, T nhìn thấy công nhân đang ngủ nhưng cửa nhà kho không đóng nên nảy sinh ý định trộm tài sản. T đậu xe trên đường, đi bộ vào nhà kho, khi đến bộ vạt gổ phía trước nhà kho nhìn thấy 02 điện thoại di động đang sạc pin, T lấy bỏ vào túi quần rồi tiếp tục đi vào nhà kho nhìn thấy ổ cắm sạt pin dự phòng có 04 chiếc điện thoại di động đang để gần đó lấy bỏ vào túi quần; lúc này Phan Văn T là công nhân phát hiện và truy hô, T bỏ chạy ra đường nổ máy xe chạy hướng xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để tẩu thoát. Khi đang chạy, T phát hiện phía sau có người truy đuổi nên tiếp tục điều khiển xe chạy đến nhà trọ 5 G,

thuộc ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Tại đây, T thuê phòng số 10 nghỉ trọ và lấy gói ma túy ra định sử dụng thì Công an xã P, huyện T phối hợp với Công an xã N, huyện T đến nhà trọ 5 G bắt giữ T cùng tang vật.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 47/BKLĐG ngày 19/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, giá trị 3.000.000đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J4, màu đen, giá trị 750.000đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A50, màu xanh, giá trị 2.500.000đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Wiko, màu vàng, giá trị 750.000đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO Al, màu đen, giá trị 1.000.000đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Realme, màu xanh, giá trị 1.250.000đồng.Tổng cộng giá trị định giá: 9.250.000đồng.

Căn cứ kết luận giám định số: 1097/KL-KTHS ngày 27/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: tinh thể rắn chứa trong 1 túi nylon dạng nắp kẹp một đầu có viền màu đỏ kẹp kín, được niêm phong trong bao thư nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,102 gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 323 thuộc Danh mục II, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ). Hoàn trả mẫu giám định còn lại sau giám định trong bao thư có khối lượng 0,071gam.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của T tại nhà trọ 5 G, thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An, nhưng cơ quan này đồng ý giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp giải quyết vì đã phát hiện trước và đang thụ lý điều tra vụ án.

Quá trình điều tra, T khai nhận: Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên thực hiện hành vi trộm tài sản của công nhân tại ấp H, xã P, khi bị phát hiện T bỏ chạy đến nhà trọ 5 G, thuộc ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An thì bị Công an bắt giữ và thu hồi 06 điện thoại di động. Riêng 01 túi nylon trong suốt có nắp gài viền màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng là ma túy đá T mua của K ở xã M, huyện C (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ cụ thể) vào ngày 17/11/2020 với giá 200.000đồng, lúc vào phòng số 10 nhà trọ 5 G, T lấy ra chưa kịp sử dụng thì bị bắt. Kết quả xét nghiệm T dương tính với ma túy tổng hợp dạng chất Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ của T, gồm: ma túy sau giám định 01 gói, có khối lượng 0,071 gam, được niêm phong tại phong bì số 1116, ngày 23/11/2020, có đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp và chữ ký ghi họ tên Trương Minh V, Nguyễn Văn Bé N, Huỳnh Trung C và Trần Chí T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J4, màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A50, màu xanh; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Wiko, màu vàng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO Al, màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Realme, màu xanh; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen (tất

cả điện thoại đã qua sử dụng); tiền Việt Nam 1.837.000đồng; 01 xe môtô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, biển số kiểm soát 66V1 - 094.61 (xe đã qua sử dụng); 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, gồm bình thủy tinh, nỏ thủy tinh và ống nhựa; 01 bật lửa màu xanh dương, trên thân có dòng chữ Shuanghui lighter (đã qua sử dụng).

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKS-TN ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Chí T, phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và 'và Tàng trữ trái phép chất ma túy" điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Chí T;

Phạm tội "Trộm cắp tài sản" mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Tổng hợp hình phạt 02 tội là: mức án từ 07 năm đến 09 năm tù.

Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

Riêng đối với xe mô tô biển số kiểm soát 66V1 - 094.61 mà bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội là thuộc quyền sở hữu của Đặng Văn M, sinh năm 1985, ngụ ấp T, xã Bình T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Qua xác minh, M mang xe mô tô trên cầm cho Mai Hiếu T (dịch vụ cầm đồ T) ở khóm K, phường L, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nhưng M không chuộc, nên T bán xe mô tô trên lại cho T với giá 12.800.000đồng. Tuy nhiên, T khai tiền mua xe mô tô trên là của Nguyễn Thị G (chị dâu T), G đưa tiền nhờ T đi mua xe dùm, sau đó T mượn xe để chở con đi học, G không biết T mượn xe dùng vào việc phạm tội. Đối với xe mô tô trên bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội và chị G cho rằng có đưa tiền cho bị cáo T 15 triệu đồng mua xe trên với giá 12.800.000đồng nhưng chị G không nhớ đặc điểm xe và biển số, nay chị Gg có ý kiến nếu xe bị tịch thu chị G không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 15.000.000đồng trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Trần Chí T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát

viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị G trình bày: Trước đây, chị có đưa tiền 15.000.000đồng cho bị cáo T để nhờ mua xe mô tô dùm, khi mua được xe bị cáo T có đem về đưa chị xem nhưng chị không nhớ đặc điểm và biển số chỉ biết loại xe Wave RSX và bị cáo mượn chiếc xe mô tô trên lại để sử dụng. Việc bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội chị hoàn toàn không biết, mặc khác đối với chiếc xe này hiện nay công an đã tạm giữ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu Tòa án xem xét tịch thu xe thì đối với số tiền chị đưa đưa bị cáo T mua xe là 15.000.000đồng chị không yêu cầu bị cáo T trả trong vụ án này. Sau này có tranh chấp chị sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Kết luận giám định số: 1097/KL-KTHS ngày 27/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; Kết luận định giá tài sản số: 47/BKLĐG ngày 19/11/2020 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Tờ tự khai ngày 18/11/2020 của bị cáo; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và làm chứng cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo T có 01 tiền án vào năm 2014 đã áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm (chấp hành xong vào ngày 28/9/2018, chưa xóa án tích), tiếp tục vào khoảng 03 giờ ngày 18/11/2020, bị cáo điều khiển xe môtô biển số kiểm soát 66V1 - 094.61 đi ngang nhà kho công nhân thuộc ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo nhìn thấy công nhân đang ngủ nhưng cửa nhà kho không đóng nên dừng xe trên đường đi bộ vào nhà kho, khi đến bộ vạt gổ phía trước nhà kho thấy 02 điện thoại di động đang sạc pin, bị cáo lấy bỏ vào túi quần rồi tiếp tục đi vào nhà kho lấy thêm 04 chiếc điện thoại di động thì Phan Văn T là công nhân phát hiện truy hô, bị cáo T bỏ chạy ra đường nổ máy xe chạy đến nhà trọ 5 G, thuộc ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An lẫn trốn. Tại đây, bị cáo T thuê phòng số 10 nghỉ trọ và lấy gói ma túy ra định sử dụng thì Công an xã P, huyện T phối hợp với Công an xã N, huyện T đến bắt giữ

bị cáo cùng tang vật. Tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt có giá trị định giá tổng cộng 9.250.000đồng, còn ma túy thu giữ của bị cáo có khối lượng 0,102gam, loại Methamphetamine, nên bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Ngoài ra, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng 0,102gam, loại Methamphetamine đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm 0 khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị xã hội lên án.

Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết rõ tác hại của ma tuý gây hậu quả rất lớn đối với bản thân, gia đình và xã hội cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, bị cáo biết rõ điều đó vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài ra, quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân.

Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo; có bà ngoại Huỳnh Thị L được Chủ Tịch nước tặng danh hiệu " Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" ngày 26/9/2014 và cha ruột Trần Văn C được Chủ Tịch nước tặng " Huân chương quyết chiến hạng nhất" ngày 30/4/1975 nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: không.

[4] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng.

[5] Về trách nhiện dân sự: Đối với 06 chiếc điện thoại di động thu giữ trên do bị cáo T trộm. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra trao trả lại cho các bị hại Phan Tuấn Đ, Trần Đức T, Phan Văn T, Mai Thúc L, Nguyễn S và A T đã nhận lại xong và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô biển số kiểm soát 66V1 - 094.61 mà bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội là thuộc quyền sở hữu của Đặng Văn M, sinh năm 1985, ngụ ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Qua xác minh, M mang xe mô tô trên cầm cho Mai Hiếu T (dịch vụ cầm đồ Hiếu T) ở khóm H, phường L, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nhưng M không chuộc, nên T bán xe mô tô trên lại cho bị cáo T với giá 12.800.000đồng giấy tờ mua bán do bị cáo đứng tên sở hữu. Tuy nhiên, bị cáo T khai tiền mua xe mô tô trên là của Nguyễn Thị G (chị dâu bị cáo T), do G đưa tiền nhờ bị cáo T đi mua xe dùm, sau đó bị cáo T mượn xe để chở con đi học, chị G không biết bị cáo T mượn xe dùng vào việc phạm tội. Đối với xe mô tô trên bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội và chị G cho rằng có đưa tiền cho bị cáo T 15 triệu đồng nhờ mua xe củ trên với giá 12.800.000đồng, khi mua xe xong bị cáo có đem về đưa chị G xem nhưng chị G không nhớ đặc điểm xe và biển số chỉ biết loại xe Wave RSX, nay chị G có ý kiến nếu xe bị tịch thu chị G không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 15.000.000đồng trong vụ án này. Xét thấy, xe mô tô trên do bị cáo đứng tên giấy tờ mua dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp theo khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen (đã qua sử dụng); tiền Việt Nam 1.837.000đồng. Xét thấy, vật chứng này của bị cáo T không dùng vào việc phạm tội nên xem xét trả lại cho bị cáo T là phù hợp theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với ma túy sau giám định 01 (một) gói, có khối lượng 0,071gam, được niêm phong tại phong bì số 1116, ngày 23/11/2020, có đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp và chữ ký ghi họ tên Trương Minh V, Nguyễn Văn Bé N, Huỳnh Trung C và Trần Chí T; 01 (một) bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, gồm bình thủy tinh, nỏ thủy tinh và ống nhựa; 01 bật lửa màu xanh dương, trên thân có dòng chữ Shuanghui lighter. Xét thấy, vật chứng trên là chất ma túy là vật cấm tàng trữ và không còn giá trị do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận có nhận số tiền 15.000.000đồng của chị Nguyễn Thị G đưa nhờ mua dùm xe củ. Đối với số tiền 15.000.000đồng chị Nguyễn Thị G không yêu cầu bị cáo T trả lại trong vụ án này do gia đình tự giải

quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác nên không xem xét.

[8] Đối với K (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ cụ thể) bán ma túy cho bị cáo T, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Trần Chí T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Trần Chí T 05 (năm) năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Trần Chí T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Chí T 02 (hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 18 tháng 11 năm 2020.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Ma túy sau giám định 01 (một) gói, có khối lượng 0,071gam, được niêm phong tại phong bì số 1116, ngày 23/11/2020, có đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp và chữ ký ghi họ tên Trương Minh V, Nguyễn Văn Bé N, Huỳnh Trung C và Trần Chí T; 01 (một) bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, gồm bình thủy tinh, nỏ thủy tinh và ống nhựa; 01 bật lửa màu xanh dương, trên thân có dòng chữ Shuanghui lighter.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô, nhãn hiện Honda, loại xe Wave RSX, biển số kiểm soát 66V1 - 094.61 (đã qua sử dụng).

- Trả lại bị cáo Trần Trí T: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen (đã qua sử dụng); tiền Việt Nam 1.837.000đ (Một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Chí T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông